

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở của Bộ Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021-2025



**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở của Bộ Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Giao Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin theo dõi, đôn đốc, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, kịp thời báo cáo Bộ trưởng tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Ban Chỉ đạo XDCPĐT (để t/h);
- Lưu: VT, TTCNTT.



Phụ lục

KẾ HOẠCH CUNG CẤP DỮ LIỆU MỞ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3538/QĐ-BKHHCN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)



STT	Tên cơ sở dữ liệu (CSDL)	Đối tượng dữ liệu mở	Tên trường của đối tượng dữ liệu mở	Kế hoạch mở dữ liệu	Đơn vị chủ trì quản lý CSDL
1	Công bố khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế của Việt Nam (STD)	a. Công bố trong nước	- Nhan đề; - Tác giả; - Từ khóa; - Nguồn trích; - Năm xuất bản; - Lĩnh vực nghiên cứu; - ISSN; - Tóm tắt; - Toàn văn.	2021	Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia
		b. Công bố quốc tế	- Tên công bố; - Tác giả; - Thông tin xuất bản.	2022	
2	Nhiệm vụ, đề tài, đề án khoa học và công nghệ Việt Nam	a. Công bố trong nước về nhiệm vụ, đề tài, đề án, khoa học công nghệ Việt Nam trong Chương trình ĐMCNQG đến năm 2030	- Tên nhiệm vụ, mã số; - Chủ nhiệm, tổ chức chủ trì; - Kết quả thực hiện.	2023	Cục Ứng dụng và phát triển công nghệ.
		b. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ Việt Nam	- Tên nhiệm vụ; - Tổ chức chủ trì; - Cơ quan chủ quản;	2021	Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc

			<ul style="list-style-type: none"> - Cấp quản lý nhiệm vụ; - Chủ nhiệm nhiệm vụ; - Lĩnh vực nghiên cứu; - Thời gian bắt đầu/Kết thúc; - Tóm tắt; - Trạng thái nhiệm vụ: Đang tiến hành, đã kết thúc, đã được ứng dụng; - Từ khóa. 		gia
3	Tổ chức Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức khoa học và công nghệ đăng ký hoạt động tại Bộ Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp; - Tên tổ chức, tên viết bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt; - Cơ quan cấp giấy chứng nhận; - Cơ quan quyết định thành lập; - Cơ quan quản lý trực tiếp; - Tổng số vốn đăng ký; - Người đứng đầu tổ chức; - Địa chỉ trụ sở chính; - Điện thoại liên hệ; - Lĩnh vực hoạt động. 	2022	Văn phòng Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ
		Tổ chức Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Tên tổ chức/Tên tiếng anh; - Địa chỉ trụ sở chính; - Điện thoại; 	2022	Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc



			<ul style="list-style-type: none"> - Điện thoại; - Website; - Thủ trưởng; - Cơ quan chủ quản; - Loại hình tổ chức; - Lĩnh vực nghiên cứu; - Loại hình hoạt động khoa học và công nghệ chính. 		quốc gia.
4	Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên; - Giới tính; - Trình độ học vấn; - Chức danh, học hàm; - Lĩnh vực KH-CN; - Quá trình đào tạo; - Quá trình công tác; - Nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cán bộ nghiên cứu chủ trì và tham gia; - Các công bố khoa học và công nghệ, sáng chế và giải pháp hữu ích. 	2023	Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia
5	CSDL về cung cầu công nghệ (bao gồm CSDL bản đồ công nghệ)	a. Cung cầu công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Tên công nghệ; - Tóm tắt công nghệ; - Thông số kỹ thuật; - Liên hệ. 	2022-2023	Cục Ứng dụng và phát triển công nghệ.
		b. Bản đồ công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bản đồ công nghệ; - Cây công nghệ; 	2023-2024	Cục Ứng dụng và phát triển

			<ul style="list-style-type: none"> - Các lớp công nghệ; - Các hồ sơ công nghệ chi tiết. 		công nghệ.
6	CSDL chuyên gia khoa học và công nghệ	a. Chuyên gia hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và phát triển công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Tên chuyên gia; - Lĩnh vực tư vấn; - Chuyên môn; - Liên hệ. 	2022-2023	Cục Ứng dụng và phát triển công nghệ
		b. Chuyên gia khoa học và công nghệ thuộc Cơ sở dữ liệu chuyên gia của Bộ KH&CN	<ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên chuyên gia; - Năm sinh; - Giới tính; - Học hàm, học vị; - Lĩnh vực nghiên cứu; - Các công trình khoa học và công nghệ chủ yếu được công bố. 	2022	Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ.
7	CSDL công bố thông tin sở hữu công nghiệp	a. Công báo sở hữu công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Sáng chế; - Giải pháp hữu ích; - Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; - Kiểu dáng công nghiệp; - Nhãn hiệu; - Chỉ dẫn địa lý. 	2021	Cục Sở hữu trí tuệ
		b. Kiểu dáng công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Trạng thái; - Loại đơn; - Tên; - Số đơn; - Ngày nộp đơn; 	2022	

			<ul style="list-style-type: none"> - Số công bố; - Ngày công bố; - Chi tiết về dữ liệu ưu tiên; - Phân loại Locacno; - Số bằng; - Ngày cấp bằng; - Ngày hết hạn; - Chủ đơn; - Tác giả kiểu dáng; - Tên đại diện; - Bản chất của kiểu dáng; - Yêu cầu bảo hộ kiểu dáng; - Hình vẽ. 		
		c. Sáng chế	<ul style="list-style-type: none"> - Trạng thái trong; - Loại đơn; - Tên; - Số đơn; - Ngày nộp đơn; - Số công bố; - Ngày công bố; - Chi tiết về dữ liệu ưu tiên; - Phân loại IPC; - Số bằng; - Ngày cấp bằng; 	2022	

			<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đơn; - Tác giả sáng chế; - Tên đại diện; - Tóm tắt; - Các tài liệu trích dẫn; - Hình vẽ. 		
		d. Nhãn hiệu	<ul style="list-style-type: none"> - Logo; - Nhãn hiệu; - Số đơn; - Ngày nộp đơn; - Ngày công bố; - Số bằng; - Ngày cấp bằng; - Chủ đơn; - Phân loại NICE; - Trạng thái. 	2022	
8	CSDL sáng chế toàn văn	Dữ liệu toàn văn của bằng độc quyền sáng chế/ giải pháp hữu ích của Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Số bằng; - Số đơn; - Tên sáng chế/ giải pháp hữu ích; - Tên chủ văn bằng. 	2021	Cục Sở hữu trí tuệ
9	CSDL về tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp, người đại diện sở hữu công nghiệp	a. Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Mã tổ chức; - Tên tổ chức; - Tên giao dịch/ tên nước ngoài; - Tên viết tắt; - Địa chỉ trụ sở; - Địa chỉ chi nhánh; 	2021	Cục Sở hữu trí tuệ

			<ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ văn phòng giao dịch; - Địa điểm kinh doanh; - Điện thoại; - Fax; - Website; - Email; - Đại diện theo pháp luật; - Người đại diện thuộc tổ chức; - Số người đại diện; - Người đại diện theo ủy quyền. 		
		b. Cá nhân đủ điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Mã số tổ chức; - Nơi hành nghề; - Số chứng chỉ; - Ngày sinh; - Địa chỉ thường trú. 	2021	
10	CSDL về tổ chức, cá nhân đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	a. Tổ chức Giám định sở hữu công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tên tổ chức; - Tên tiếng Anh; - Địa chỉ; - Chuyên ngành giám định; - Số giấy chứng nhận; - Quyết định ghi nhận; - Giám định viên thuộc tổ chức. 	2021	Cục Sở hữu trí tuệ

		b. Giám định viên sở hữu công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên; - Địa chỉ thường trú; - Số thẻ giám định viên; - Hình thức hoạt động; - Chuyên ngành giám định. 	2021	
11	CSDL Quy chuẩn kỹ thuật.	Quy chuẩn kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Số hiệu; - Tên tiếng việt; - Năm ban hành; - Tình trạng hiệu lực; - Cơ quan ban hành. 	2022	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
12	CSDL Tiêu chuẩn quốc gia	a. Tiêu chuẩn TCVN	<ul style="list-style-type: none"> - Số hiệu; - Tên tiếng việt; - Tên tiếng anh; - Năm công bố; - Tình trạng hiệu lực; - Số trang; - Giá. 	2022	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
		b. Ban kỹ thuật Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Số hiệu; - Tên ban kỹ thuật; - Ban kỹ thuật quốc tế tương ứng; - Phạm vi hoạt động; - Liên hệ. 	2022	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
		c. Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> - Tên dự án; - Năm kế hoạch; - Thuộc Bộ, ngành; - Cơ quan biên soạn/Ban 	2022	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

			kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia; - Danh mục tiêu chuẩn.		
13	CSDL mã số mã vạch quốc gia	a. Công bố quốc tế về mã số, mã vạch	- Mã GTIN; - Tên sản phẩm, nhãn hiệu; - Mô tả sản phẩm; - Nhóm sản phẩm; - Tên doanh nghiệp; - Thị trường mục tiêu; - Hình ảnh sản phẩm.	2021	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
		b. Công bố trong nước về mã số, mã vạch	- Mã GTIN; - Tên sản phẩm, nhãn hiệu; - Mô tả sản phẩm; - Nhóm sản phẩm; - Tên doanh nghiệp; - Thị trường mục tiêu; - Hình ảnh sản phẩm.	2021	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

